

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội
huyện Châu Thành đến năm 2020**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Thông tư số 03/2008/TT- BKH ngày 01 tháng 7 năm 2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 04/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Xét Tờ trình số 221/TTr-SKHĐT ngày 25/12/2015 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Châu Thành đến năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Châu Thành đến năm 2020 (sau đây gọi tắt là quy hoạch), với nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

1.1. Quy hoạch tổng thể phát triển huyện Châu Thành đến năm 2020 phù hợp với quy tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long, vùng kinh tế trọng điểm và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kiên Giang và quy hoạch các ngành, lĩnh vực của tỉnh đến năm 2020.

1.2. Tập trung huy động mọi nguồn lực cho đầu tư để đẩy mạnh đô thị hóa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhất là công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dần tỷ trọng thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng. Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng tăng giá trị; tổ chức lại sản xuất theo vùng nguyên liệu tập trung, quy hoạch cánh đồng lớn gắn chế biến với tiêu thụ nhằm khai thác có hiệu

quả tiềm năng và tận dụng tối đa lợi thế của địa phương để thúc đẩy công nghiệp hóa nông nghiệp, phát triển nhanh công nghiệp chế biến nông, thủy sản và thương mại dịch vụ góp phần tăng trưởng kinh tế cao, bền vững.

1.3. Phát triển kinh tế gắn với thực hiện tiến bộ công bằng xã hội, bảo vệ tài nguyên môi trường, từng bước nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân; giải quyết việc làm, giảm dần tỷ lệ hộ nghèo, nhất là hộ nghèo trong vùng đồng bào dân tộc. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ.

1.4. Phát triển kinh tế gắn với đảm bảo an ninh, quốc phòng, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

1.5. Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, có giải pháp chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng trong bố trí quy hoạch, tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng gắn với quy hoạch bố trí dân cư đô thị và nông thôn.

2. Mục tiêu phát triển

2.1. Mục tiêu tổng quát

Tập trung huy động mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng nâng cao tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ và nông nghiệp - thủy sản; khuyến khích phát triển công nghiệp chế biến nông, thủy sản theo chiều sâu. Khai thác tốt các tiềm năng, lợi thế của huyện nhằm tạo bước phát triển nhanh, bền vững. Thực hiện có hiệu quả các vấn đề văn hóa - xã hội, trong đó thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, hoàn thành chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới. Tăng cường quốc phòng an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng khu vực phòng thủ huyện vững mạnh toàn diện đáp ứng yêu cầu đổi mới và hội nhập.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp - thủy sản đạt 3.406 tỷ đồng, tăng bình quân hàng năm 4,79%.

- Giá trị sản xuất ngành công nghiệp đạt 33.816 tỷ đồng, tăng bình quân hàng năm 20,63%.

- Giá trị sản xuất ngành xây dựng đạt 2.140 tỷ đồng, tăng bình quân hàng năm 26,33%.

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa đạt 11.910 tỷ đồng, tăng bình quân hàng năm 16,5%;

- Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống đạt 4.298 tỷ đồng, tăng bình quân hàng năm 17,12%

- Sản lượng lúa đạt 262.929 tấn; sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản đạt 83.000 tấn, trong đó: Sản lượng khai thác 75.000 tấn.

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tới năm 2020 là 33.447 tỷ đồng, bình quân mỗi năm tăng 16,88%.

- Phần đầu đến năm 2020 tổng thu ngân sách huyện, xã đạt 271 tỷ đồng, tăng bình quân mỗi năm khoảng 15%; tổng chi ngân sách 357,63 tỷ đồng (chi tăng mỗi năm khoảng 10%)

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn 10‰.

- Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng còn 11%; 85% dân số tham gia bảo hiểm y tế; tỷ lệ bác sĩ/ vạn dân là 3,81; tỷ lệ giường bệnh/ vạn dân là 10,89.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 1 - 1,5%; hộ cận nghèo dưới 3%.

- Giải quyết việc làm hàng năm đạt trên 3.000 lao động; tỷ lệ lao động đã qua đào tạo đạt 68%, trong đó lao động qua đào tạo nghề đạt 58%.

- Tỷ lệ huy động trẻ từ 6 đến 14 tuổi đến trường đạt 98%; huy động trẻ 3-5 tuổi học mẫu giáo đến năm 2020 đạt 80% so với độ tuổi, trong đó: Trẻ 05 tuổi đạt 98%.

- Phần đầu có 6/9 xã đạt tiêu chí nông thôn mới; các xã còn lại đạt ít nhất 17 tiêu chí.

- Phần đầu có 85% trở lên hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa, 80% ấp, khu phố và 90% cơ quan, đơn vị đạt tiêu chuẩn văn hoá; 8/10 xã, thị trấn đạt chuẩn về xây dựng đời sống văn hoá.

- Có 95% hộ dân được sử dụng nước hợp vệ sinh; đảm bảo người dân được sử dụng điện lưới quốc gia.

- Về phát triển dân quân tự vệ đạt chỉ tiêu trên giao, tỷ lệ đảng viên đạt 20% so với quân số; tuyển quân đạt 100% chỉ tiêu trên giao; điều tra khám phá các vụ án hình sự đạt 80% trở lên, trong đó trọng án đạt 95% trở lên; kiểm sát, điều tra, truy tố, xét xử không để xảy ra oan sai.

- Phần đầu đến năm 2020, đưa thị trấn Minh Lương trở thành đô thị loại IV.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Phát triển nông, thủy sản

Tập trung phát triển nông nghiệp theo hướng chất lượng, bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng với mô hình luân canh trên đất lúa như: Lúa - màu, lúa - cá, lúa - tôm phù hợp với từng khu vực, tiểu vùng. Đẩy mạnh chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ mới vào sản xuất, nhất là công nghệ sinh học nhằm nâng cao chất lượng hàng hóa tiêu thụ. Mở rộng diện tích, vùng sản xuất lúa chất lượng cao đạt 80% diện tích, phát triển diện tích lúa 03 vụ theo hướng an toàn, bền vững. Phần đầu diện tích gieo trồng lúa năm 2020 đạt 40.418 ha, sản lượng lúa đạt 288.787 tấn. Phát triển cây màu, và vùng cây ăn trái theo hướng tập trung; phát huy thương hiệu “Khóm Tắc Cậu” gắn với quy hoạch vùng nguyên liệu phục vụ chế biến nhiều loại sản phẩm khóm. Phần đầu đến năm 2020, diện tích trồng rau các loại 450 ha, cây khóm 1.502 ha, cây dừa 2.010 ha và cây ăn quả khác 3.050 ha.

Khuyến khích chăn nuôi heo và các loại gia cầm, gia súc theo hướng trang trại, an toàn sinh học. Từng bước nâng cấp đàn giống, thực hiện chương trình nạc hoá đàn heo, phát triển mô hình chăn nuôi trang trại khép kín bảo đảm môi trường và an toàn dịch bệnh. Phân đầu đến năm 2020, đàn heo 32.000 con, đàn gia cầm 800.000 con.

Phát triển chương trình đánh bắt xa bờ, gắn khai thác, nuôi trồng thủy sản với bảo vệ nguồn lợi thủy sản, khu dịch vụ hậu cần nghề cá, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Phân đầu đến năm 2020, có 440 phương tiện, với tổng công suất 214.000 CV. Tập trung phát triển nghề cào và lưới với các phương tiện đánh bắt xa bờ, sản lượng khai thác đạt 75.000 tấn.

Đẩy mạnh phát triển nuôi thủy sản với các mô hình nuôi có hiệu quả như: lúa-cá, lúa-cá-màu, nuôi cá ao chuyên canh, nuôi cá vèo... và một số đặc sản có giá trị. Phân đầu sản lượng nuôi trồng đạt 8.000 tấn năm 2020.

Xây dựng nông thôn mới gắn liền với đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ từng bước hiện đại, tổ chức sản xuất với quy mô tập trung, hiệu quả kinh tế bền vững. Phát triển nông thôn theo quy hoạch, đảm bảo môi trường sinh thái, an ninh trật tự ổn định, nâng cao trình độ dân trí và hệ thống chính trị ở nông thôn trong sạch, vững mạnh.

Phát triển đa dạng các loại hình hợp tác xã, nâng cao chất lượng hoạt động các tổ hợp tác và các hợp tác xã hiện có theo tiêu chí xây dựng xã nông thôn mới. Thực hiện việc chuyển đổi hợp tác xã (theo Luật Hợp tác xã năm 2012) đúng theo kế hoạch. Phân đầu đến năm 2020, toàn huyện phát triển mới ít nhất 05 hợp tác xã. Nâng tổng số hộ tham gia kinh tế tập thể đạt 50% vào năm 2020. Nâng chất lượng các tổ hợp tác, hợp tác xã hoạt động khá tốt chiếm từ 50% - 60% trở lên.

2. Phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

Phát triển công nghiệp trên cơ sở tăng cường đầu tư nâng cao năng lực, đổi mới thiết bị công nghệ đối với các ngành công nghiệp có lợi thế, nhất là công nghiệp chế biến nông, thủy sản, chú trọng phát triển công nghiệp cơ khí - đóng sửa chữa tàu, thuyền và công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn. Phát triển một số ngành công nghiệp mới trong các khu công nghiệp như: Sản xuất hàng tiêu dùng, công nghiệp phụ trợ cho sản xuất thủy sản, công nghiệp công nghệ cao,... Ưu tiên cho những dự án khai thác tiềm năng, lợi thế về nguyên liệu tại chỗ; phát huy tối đa mọi nguồn lực ở địa phương, nhất là khu công nghiệp Thạnh Lộc; cảng cá Tắc Cậu và những vùng xung quanh. Phát triển công nghiệp gắn với xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị, các khu công nghiệp và bảo vệ môi trường. Phân đầu giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tăng bình quân 20,63%/năm.

3. Phát triển các ngành dịch vụ

- Phát triển thương mại gắn với chuyển dịch cơ cấu theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, gắn với phát triển nông thôn mới. Đa dạng các loại hình tổ chức và phương thức hoạt động thương mại, phát triển các loại hình

doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh. Phát triển thương mại hàng hoá gắn kết với đầu tư, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Phát triển hình thức mua bán tiêu thụ sản phẩm thông qua hợp đồng. Huy động các nguồn lực để xây dựng cơ sở hạ tầng thương mại, hệ thống bán buôn, bán lẻ, trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng, đại lý,... Khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển các loại hình kinh doanh thương mại trên địa bàn huyện. Phát triển hệ thống phân phối hàng hóa với sự tham gia của các doanh nghiệp và các thành phần kinh tế tham gia đầu tư khai thác tốt thị trường nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Quy hoạch xây mới 02 chợ trên nền chợ cũ đạt loại III, gồm: Chợ Cù Là - thị trấn Minh Lương và chợ Lô 7 - xã Bình An.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả dịch vụ vận tải. Phát huy lợi thế về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên của huyện để phát triển hệ thống vận tải đường bộ, đường sông. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa đầu tư phát triển dịch vụ vận tải. Mở thêm các tuyến vận tải đến vùng nông thôn, các huyện trong tỉnh, trong vùng,... Đồng thời nâng cao hiệu quả tuyến vận chuyển xe buýt từ các nơi đến huyện. Phát huy lợi thế của dịch vụ vận tải đường sông, tăng số lượng và chất lượng phương tiện vận tải; nâng cấp và xây dựng mới các bến tàu hàng hóa gắn với các cơ sở chế biến tại khu công nghiệp.

- Phát triển dịch vụ bưu chính - viễn thông theo hướng hiện đại, cung cấp các dịch vụ đa dạng theo tiêu chuẩn quốc tế. Phát triển thị trường bưu chính theo hướng nâng cao chất lượng dịch vụ, kết hợp cung cấp dịch vụ công ích với các dịch vụ thương mại. Mở rộng dịch vụ chuyên phát nhanh, dịch vụ chuyên tiền, bưu kiện đến từng điểm bưu điện văn hóa xã. Xây dựng hệ thống thư viện, thư viện điện tử cho các điểm bưu điện văn hóa xã. Đẩy mạnh việc cung ứng truy cập internet trong cộng đồng và mở rộng đến các điểm văn hóa xã. Phân đầu đến năm 2020 có 50 điểm phục vụ và mật độ điện thoại đạt 28 máy/100 dân năm 2020.

- Mở rộng các hoạt động tín dụng ở nông thôn, tăng cường huy động nguồn vốn, tăng tỷ lệ huy động vốn tại địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất kinh doanh và phục vụ đời sống. Dự kiến nguồn vốn huy động qua ngân hàng đạt 730 tỷ đồng năm 2020, trong đó: Huy động tại địa phương đạt 280 tỷ đồng năm 2020. Doanh số cho vay 910 tỷ đồng năm 2020. Dư nợ ngắn hạn 1.080 tỷ đồng năm 2020.

- Thực hiện đa dạng hóa các loại hình dịch vụ bảo hiểm trên địa bàn huyện và nâng cao chất lượng các sản phẩm bảo hiểm, hình thành các loại hình bảo hiểm sản phẩm hàng hóa nông sản, thủy sản,... Khuyến khích sự hợp tác giữa công ty bảo hiểm với các tổ chức tín dụng trong huyện nhằm cung cấp dịch vụ bảo hiểm đến người dân một cách hiệu quả.

4. Nguồn nhân lực và các vấn đề xã hội

4.1. Dân số - lao động việc làm

- Tiếp tục thực hiện tốt chương trình dân số kế hoạch hoá gia đình, giảm tỷ lệ sinh hàng năm đạt 0,2‰ giai đoạn 2016-2020, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn

10‰, dân số 165.144 người và tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giảm xuống còn 11%.

- Cơ cấu lao động chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng lao động công nghiệp - xây dựng và dịch vụ. Tỷ trọng lao động ngành nông nghiệp từ 56,23% năm 2015 xuống còn 43,74% năm 2020; tỷ trọng lao động ngành công nghiệp-xây dựng tăng từ 16,28% lên 21,51% và tỷ trọng lao động ngành dịch vụ từ 29,49% lên 30,28%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo 68%, trong đó: Lao động qua đào tạo nghề đạt 58%.

4.2. Giáo dục đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

Thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện về giáo dục và đào tạo theo Nghị quyết Trung ương 8 (khóa IX). Quy hoạch, đầu tư xây dựng hệ thống trường lớp các cấp, phát triển giáo dục mầm non, nâng tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia. Chú trọng công tác phát triển, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý. Duy trì và nâng cao kết quả phổ cập mầm non, tiểu học, trung học cơ sở. Tăng cường công tác hướng nghiệp dạy nghề, củng cố nâng cao chất lượng hoạt động của trung tâm giáo dục thường xuyên, Hội khuyến học từ huyện đến cơ sở và trung tâm học tập cộng đồng các xã, thị trấn; tập trung tuyển sinh vào Trường Cao đẳng Cộng đồng Kiên Giang và Trường Đại học Kiên Giang. Phần đầu đến năm 2020 có trên 50% trường đạt chuẩn quốc gia. Đồng thời có ít nhất 01 trường chất lượng cao ở mỗi cấp mầm non đến trung học cơ sở.

4.3. Phát triển sự nghiệp y tế

Thực hiện tốt công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cộng đồng và thực hiện có hiệu quả các chương trình y tế quốc gia, chăm sóc sức khỏe ban đầu, chủ động phòng ngừa các loại dịch bệnh. Nâng cao chất lượng cán bộ quản lý và đội ngũ y bác sĩ. Củng cố, tăng cường tuyến y tế cơ sở và nâng cao hiệu quả hoạt động các tổ y tế. Đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, từng bước cung cấp đủ trang thiết bị y tế, dụng cụ y tế cho tuyến huyện, tuyến cơ sở. Đẩy mạnh hoạt động truyền thông giáo dục thực hiện kế hoạch hóa gia đình. Vận động nhân dân mua bảo hiểm y tế và vận động hỗ trợ mua bảo hiểm y tế tự nguyện cho hộ cận nghèo, tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân. Phần đầu tỷ lệ giường bệnh/vận dân đạt 39 giường và 12 bác sĩ/vận dân năm 2020; 100% trạm y tế xã có bác sĩ luân phiên khám chữa bệnh và đạt chuẩn y tế quốc gia.

4.4. Phát triển văn hóa, thể dục thể thao và du lịch

- Quan tâm phát triển văn hóa, thể dục, thể thao, kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội. Thực hiện có hiệu quả phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", nâng cao mức hưởng thụ văn hóa tinh thần cho nhân dân. Bảo vệ, tôn tạo các di tích văn hóa lịch sử, gắn với giữ gìn các loại hình văn hóa, nghệ thuật mang bản sắc riêng của đồng bào dân tộc thiểu số. Tranh thủ và huy động các nguồn vốn xây dựng các thiết chế văn hóa và các công trình văn hóa, phục dựng Khu căn cứ Huyện ủy. Tăng cường

đầu tư trang thiết bị Đài Truyền thanh huyện; nâng cao chất lượng hoạt động Thư viện huyện, thư viện các trường học, bưu điện văn hóa xã.

- Phát triển du lịch “kết tuyến” với tour du lịch U Minh Thượng gắn với phát triển du lịch sinh thái vườn, di tích lịch sử Tháp 4 Sư liệt sĩ, tạo điểm nhấn cho du khách thăm một số cảnh đẹp ở cù lao sông Cái Bé - sông Cái Lớn, Khu căn cứ Huyện ủy thời chiến ở Bình An - Tắc Cậu, với đặc sản Khóm Tắc Cậu, cau, dừa,... Các lễ hội, phong tục tập quán của các dân tộc, danh lam thắng cảnh, và di tích lịch sử, văn hóa.

4.5. Chính sách an sinh xã hội và giảm nghèo

Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, nhất là đối tượng chính sách người có công và chính sách trợ giúp hộ nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn được vay vốn sản xuất. Thực hiện có hiệu quả việc lồng ghép các chương trình mục tiêu giảm nghèo, đẩy mạnh các hoạt động xã hội từ thiện nhân đạo giúp người nghèo xây dựng nhà ở, giúp vốn,...hướng dẫn cho các hộ nghèo phát triển sản xuất cải thiện đời sống, từng bước vươn lên thoát nghèo. Phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 1 - 1,5%, hộ cận nghèo dưới 3% năm 2020.

4.6. Phát triển khoa học công nghệ

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất kinh doanh, trên cơ sở khai thác nguồn tài nguyên tại chỗ để phát huy tiềm năng và lợi thế của huyện. Trong nông nghiệp tập trung đầu tư ứng dụng chuyển giao công nghệ mới về giống cây trồng, vật nuôi, mô hình sản xuất đa canh tổng hợp hiệu quả và bền vững, kỹ thuật về chế biến hải sản, công nghệ sau thu hoạch, công nghệ sinh học để nâng cao giá trị hàng hóa, tăng sức cạnh tranh. Ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất và cung cấp giống cây trồng, vật nuôi và các chế phẩm công nghệ phục vụ cho nông nghiệp; tư vấn kỹ thuật canh tác, bảo quản, chế biến nông thủy sản gắn với ứng dụng công nghệ xử lý nước thải tại các nhà máy chế biến thủy sản,... đảm bảo vệ sinh môi trường, phát triển bền vững. Xây dựng và phát triển nhãn hiệu tập thể đối với những sản phẩm của địa phương.

5. Quốc phòng - an ninh trật tự

Nâng cao năng lực, sức chiến đấu cho lực lượng vũ trang địa phương, kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng - an ninh; xây dựng tiềm lực kinh tế và tiềm lực quốc phòng - an ninh.

Tích cực đấu tranh phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội, giữ vững ổn định tình hình an ninh nông thôn. Đẩy mạnh phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, đi đôi với phát động phong trào toàn dân tham gia phòng chống các tệ nạn xã hội, triển khai thực hiện các giải pháp để hạn chế tình trạng tai nạn giao thông xảy ra trên địa bàn.

6. Phát triển kết cấu hạ tầng

6.1. Thủy lợi - thủy sản

Đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi trên địa bàn huyện phù hợp với quy hoạch thủy lợi vùng Tây sông Hậu theo hướng đa mục tiêu, kiểm soát lũ, ngăn

mặn, ngọt hoá, thau chua, xỏ phèn và phục vụ đa ngành sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, cấp nước sinh hoạt và công nghiệp - dịch vụ. Tiếp tục nạo vét 187 km kênh và 12 km công, đập; xây dựng đê bao sản xuất đảm bảo phục vụ cho 100% diện tích. Xây dựng đê bao kinh tế hộ đảm bảo sống chung với lũ và hoàn chỉnh hệ thống kênh cấp 2, cấp 3 và kênh nội đồng. Nâng cấp Cảng cá Tắc Cậu trở thành cảng cá loại I, quy mô 500 lượt/600CV, đồng thời là cảng nội địa có thể tiếp nhận tàu đến 1.000 tấn.

6.2. Phát triển Giao thông

- Đầu tư hoàn chỉnh các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ trên địa bàn huyện như: Cao tốc Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu, đường Hồ Chí Minh, đường hành lang ven biển phía Nam, đường bộ ven biển, Quốc lộ 61, Quốc lộ 63, Quốc lộ 80; đường tỉnh Châu Thành - Giồng Riềng.

- Quy hoạch hệ thống đường huyện: Từ nay đến năm 2020 đầu tư nâng cấp các tuyến đường hiện hữu như: ĐH.Tà Niên; ĐH.Vĩnh Đăng; ĐH.Chắc Kha-Bàn Tân Định; ĐH.Minh Lương - Giục Tượng; ĐH.Cù Là - Giục Tượng đạt tiêu chuẩn cấp V; ĐH. Thạnh Lộc.

Đường huyện dự kiến mở mới: ĐH.Bờ Nam Đòn Đông; ĐH.Bờ Đông Kênh KH1; ĐH.Thới Quản - Bình An và ĐH.Bình An - Minh Hòa.

- Tuyến đường xã: Đến năm 2020 các tuyến trục liên ấp đạt cấp B theo cấp đường giao thông nông thôn (Quyết định số 1265/QĐ-UBND ngày 10/6/2011 của UBND tỉnh Kiên Giang), kết cấu đường bê tông xi măng. Các tuyến đường dẫn từ ấp đến ấp, dẫn vào thôn xóm đạt tối thiểu cấp C, mặt đường rộng 2m, nền đường rộng 3m. Giai đoạn 2016 - 2020, tiếp tục nâng cấp, làm mới 134,2 km đường trục chính xã, trục liên xã đạt cấp A và các tuyến đường ngõ xóm đạt tối thiểu cấp C, mặt đường tối thiểu 2,0m, nền đường tối thiểu 3m, kết cấu đường bê tông cốt thép hoặc bê tông xi măng.

- Quy hoạch công trình phục vụ vận tải

+ Bến xe: Bến xe tỉnh được xây dựng trên địa bàn xã Vĩnh Hòa Hiệp là bến xe loại III, năng lực thiết kế đảm bảo nhu cầu đi lại của cả tỉnh đến năm 2020.

+ Cảng: Phối hợp với các ngành chức năng của tỉnh tiếp tục đầu tư nâng cấp cảng cá Tắc Cậu thành cảng cá loại I, cho phép tàu 600CV, hàng ngày có khoảng 500 lượt tàu thuyền. Lượng thủy sản qua cảng đạt 220.000 tấn/năm.

- Quy hoạch hệ thống đường thủy nội địa: Một số tuyến sông kênh chính trên địa bàn huyện như: Sông Cái Lớn, sông Cái Bé, tuyến kênh Rạch Sỏi - Hậu Giang (kênh Cái Sắn), tuyến kênh vành đai Rạch Giá, tuyến kênh xáng Chung Bàu, tuyến kênh KH1 và kênh Đòn Đông, tuyến kênh Ông Hiên - Tà Niên, rạch Lồng Tắc.

6.3. Cấp điện

Xây dựng 01 trạm biến áp riêng cấp điện cho khu công nghiệp Thạnh Lộc với công suất lắp máy là 63MVA. Lắp máy 2 công suất 40MVA ở trạm Châu Thành để cấp điện cho 1 phần của thành phố Rạch Giá. Giai đoạn 2016 - 2020,

xây dựng 142km đường dây trung thế; 255,6km đường dây hạ thế và trạm biến áp công suất 40.000 KVA.

6.4. Cấp nước và xử lý nước thải, chất thải rắn

- Tiếp tục đầu tư nâng công suất Nhà máy cấp nước Tắc Cậu đạt công suất 4.000m³/ngđ để cung cấp nước cho khu vực cảng cá và khu công nghiệp Tắc Cậu. Xây dựng mới Nhà máy cấp nước Nam Rạch Giá, tại huyện Châu Thành với công suất 20.000m³/ngày vào năm 2020. Đầu tư nâng cấp 03 trạm cấp nước cụm xã: Mong Thọ A, Minh Lương, Minh Hòa, tổng công suất 1.440 m³/ngày giai đoạn 2016- 2020.

- Xử lý nước thải và chất thải rắn

+ *Xử lý nước thải*: Giai đoạn 2016-2020, đầu tư khu xử lý nước thải tập trung với công suất 7.000m³/ngđ tại xã Thạnh Lộc, huyện Châu Thành với quy mô đất xây dựng 15ha.

+ *Xử lý chất thải rắn (CTR)*: Giai đoạn 2016-2020, quy hoạch trạm trung chuyển CTR khu vực đô thị, chuyển bãi chôn lấp CTR hiện trạng thành trạm trung chuyển chất thải, quy mô diện tích 0,3-0,5ha, trung chuyển chất thải rắn 50-55 tấn/ngày, địa điểm tại ấp Gò Đất, xã Bình An và Trạm trung chuyển chất thải rắn Bình An, quy mô diện tích 0,3-0,5ha, trung chuyển chất thải rắn 300-310 tấn/ngày, địa điểm tại xã Bình An. Thu gom chất thải rắn từ thị trấn, cảng cá và các xã vận chuyển về nhà máy xử lý tại xã Long Thạnh - huyện Giồng Riềng.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN, LÃNH THỔ

1. Định hướng sử dụng đất

Đến năm 2020, diện tích đất nông nghiệp 23.642 ha, chiếm 82,83% diện tích tự nhiên; diện tích đất phi nông nghiệp 4.902,17 ha, chiếm 17,17% diện tích đất tự nhiên của huyện.

2. Định hướng phát triển hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn

2.1. Định hướng phát triển hệ thống đô thị

Tiếp tục huy động vốn đầu tư, chỉnh trang nâng cấp trung tâm thị trấn Minh Lương phân đấu thành đô thị loại IV, trung tâm huyện Châu Thành, trung tâm thương mại - dịch vụ - kinh tế - văn hóa có vai trò là hạt nhân phát triển vùng Tây sông Hậu, là vùng chuyên canh lúa chất lượng cao và chế biến nông sản với quy mô dân số 55.000 - 60.000 người; đô thị Tắc Cậu trở thành đô thị loại V với diện tích 66,92 ha, là đô thị cảng, công nghiệp chế biến thủy sản với quy mô dân số 12.000 - 15.000 người vào năm 2025.

2.2. Định hướng phát triển dân cư nông thôn

Tập trung quy hoạch xây dựng và nâng cấp các khu dân cư, chợ trung tâm xã và nâng cấp các tuyến dân cư nông thôn theo tiêu chuẩn nông thôn mới. Xây dựng các cụm, tuyến dân cư vượt lũ phát triển dọc theo các kênh rạch, xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội hoàn chỉnh, xây dựng các cơ sở

11/11/2019

sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp gắn kết với các trung tâm cụm xã tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp về huy động vốn

Dự kiến nhu cầu vốn đầu tư để phát triển kinh tế - xã hội huyện Châu Thành theo phương án chọn giai đoạn 2016 - 2020 là 33.447 tỷ đồng.

- Nguồn vốn ngân sách nhà nước: Vốn ngân sách Trung ương và địa phương chiếm 15% tổng vốn đầu tư. Nguồn vốn này chủ yếu tập trung đầu tư các công trình trọng điểm về kết cấu hạ tầng xã hội, phát triển nguồn nhân lực, giáo dục, đào tạo, y tế,...

- Nguồn vốn dân doanh có tác động lớn trong đầu tư phát triển kinh tế của huyện, nguồn vốn này chiếm trên 41% tổng vốn đầu tư.

- Nguồn vốn kêu gọi đầu tư: Chủ yếu đầu tư các dự án trong khu công nghiệp, khu đô thị và một số dự án sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện. Nguồn vốn này chiếm khoảng 44% tổng vốn đầu tư.

2. Phát triển nguồn nhân lực

Tăng cường công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực về số lượng gắn với chất lượng nguồn nhân lực và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn. Đẩy mạnh xã hội hóa đào tạo nghề, chú trọng ký kết hợp đồng đào tạo, tuyển dụng lao động theo nhu cầu của xã hội, đồng thời giới thiệu lao động trong các khu công nghiệp và xuất khẩu lao động. Hoàn thiện mạng lưới các trường phổ thông, xây dựng thêm các trường đạt chuẩn quốc gia và nâng cao chất lượng đào tạo của Trung tâm Giáo dục thường xuyên huyện.

Tăng cường công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ công chức, viên chức từ huyện đến xã đạt chuẩn theo quy định và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Vận dụng các cơ chế, chính sách của tỉnh về thu hút nguồn nhân lực nhằm tạo điều kiện thu hút sinh viên giỏi tốt nghiệp ra trường về công tác ở huyện, chú trọng những sinh viên là người địa phương.

3. Phát triển khoa học, công nghệ và Môi trường

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ phát triển kinh tế - xã hội của huyện, nhất là tập trung cho các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, thủy sản, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ và quản lý, nâng cao chất lượng đầu ra của sản phẩm, gắn với xây dựng thương hiệu cho sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện. Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình dự án sản xuất nhằm đưa nhanh tiến bộ khoa học vào sản xuất, trên cơ sở gắn kết giữa sản xuất, chế biến, tiêu thụ và thực hiện liên kết 4 nhà. Khuyến khích, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp và nhân dân ứng dụng công nghệ mới, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả cao đối với tài nguyên không tái tạo. Đẩy nhanh quá trình cơ giới hóa, thủy lợi hóa, điện khí hóa trong sản xuất, kết hợp giữa đổi mới công nghệ với bảo vệ môi trường sinh thái.

Tăng cường tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và khuyến khích cả cộng đồng dân cư về việc sử dụng hợp lý, tiết kiệm và bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên. Thu hút các nguồn vốn đầu tư đi đôi với đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư cho công tác bảo vệ, khai thác tài nguyên môi trường; thực hiện tốt việc thu gom và xử lý rác thải ở các khu dân cư. Phát động phong trào quần chúng tham gia bảo vệ môi trường, lồng ghép nội dung bảo vệ môi trường với cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa.

4. Phát triển các thành phần kinh tế

- Tập trung phát triển các loại hình kinh tế tập thể theo cơ chế thị trường, nhất là phát triển loại hình kinh tế hợp tác trong nông nghiệp, thí điểm phát triển kinh tế tập thể trong thủy sản, dịch vụ thương mại, du lịch. Vận dụng cơ chế chính sách hỗ trợ về tín dụng, ưu đãi về thuế, khoa học - công nghệ, đất đai, đào tạo nguồn nhân lực cho kinh tế tập thể. Đa dạng các loại hình hợp tác sản xuất kinh doanh tổng hợp và tiêu thụ sản phẩm cho nông dân.

- Củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ hợp tác, hợp tác xã hiện có. Tạo điều kiện thuận lợi phát triển các tổ hợp tác, hợp tác xã tiêu thụ nông sản đáp ứng các dịch vụ đầu ra và cung ứng vật tư nông nghiệp. Ưu tiên phát triển ngành nghề truyền thống có thế mạnh về nguồn nhân lực và nguyên liệu tại chỗ.

- Tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng, hỗ trợ khuyến công đối với các hợp tác xã, tổ hợp tác về tiêu thụ công nghiệp, ngành nghề truyền thống, dịch vụ và tạo sự chuyển biến trong nhận thức để người dân tự nguyện tham gia kinh tế tập thể, tranh thủ các doanh nghiệp đầu tư cho tổ hợp tác, hợp tác xã như: Tiếp cận vốn ưu đãi, liên kết sản xuất hàng hóa.

- Tăng cường liên doanh liên kết giữa hợp tác xã, tổ hợp tác với doanh nghiệp để tiêu thụ sản phẩm. Tạo điều kiện tốt cho các tổ chức kinh tế tập thể tiếp cận với nguồn vốn cho vay ưu đãi của Chính phủ để đầu tư sản xuất kinh doanh, đổi mới trang thiết bị phục vụ sản xuất.

- Tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư, thu hút các doanh nghiệp phát triển, khai thác có hiệu quả tiềm năng thế mạnh của huyện.

5. Công tác cải cách hành chính và xây dựng chính quyền

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, trong đó nâng lên chất lượng hiệu quả cơ chế “một cửa liên thông” ở xã, thị trấn và một số ngành huyện trên các lĩnh vực. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí sử dụng cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt. Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy nhà nước từ huyện đến cơ sở theo hướng ổn định, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao.

Thực hiện tốt chức năng quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát và đi sâu sát cơ sở để kịp thời giải quyết tháo gỡ khó khăn, tạo môi trường thuận lợi thúc đẩy các thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh. Tăng cường quản lý nhà nước về quy hoạch, đất đai, môi trường,...Thực hiện tốt Luật Cán bộ, công chức; Luật Phòng chống tham nhũng; Luật Thực hành tiết kiệm, chống

lãng phí; rà soát sửa đổi, bổ sung quy chế làm việc; phát huy tinh thần trách nhiệm trong việc bảo quản và sử dụng tài sản công.

Thực hiện tốt quy chế phối hợp với Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các thành viên trong việc tham gia quản lý nhà nước.

Điều 2: Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện nêu trong quy hoạch được phê duyệt có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan triển khai thực hiện các nội dung sau:

1. Tuyên truyền, phổ biến công khai, rộng rãi các mục tiêu và định hướng phát triển kinh tế - xã hội theo nội dung quy hoạch được duyệt đến các cơ quan chức năng, các cấp chính quyền, đoàn thể, các tổ chức kinh tế - chính trị - xã hội và toàn thể nhân dân trên địa bàn huyện được biết, thực hiện.

2. Tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch này và các quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực liên quan. Lập các kế hoạch 05 năm, hàng năm; các chương trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội trọng điểm; các dự án cụ thể để tập trung đầu tư, bố trí ưu tiên đầu tư một các hợp lý.

3. Chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh nghiên cứu ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp với điều kiện địa phương nhằm huy động mọi nguồn lực trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

4. Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch; xử lý kịp thời những bất cập và đề xuất bổ sung, điều chỉnh quy hoạch cho phù hợp với tình hình mới, hội nhập vào xu thế phát triển chung của tỉnh và cả nước.

Điều 3. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với UBND huyện Châu Thành trong việc triển khai thực hiện các chương trình, dự án phát triển ngành, lĩnh vực theo quy hoạch trên địa bàn huyện; hỗ trợ và tạo điều kiện cho huyện hoàn thành các mục tiêu quy hoạch đề ra.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. *Quê*

Nơi nhận:

- Như Điều 4 của QĐ;
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- TV.UBND tỉnh;
- Sở KH&ĐT (1b);
- Công báo tỉnh; Website Kiên Giang;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, ckbich (1b)

CHỦ TỊCH



Phạm Vũ Hồng

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN
HUYỆN CHÂU THÀNH ĐẾN NĂM 2020**

*(Kèm theo Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2016 của
UBND tỉnh)*



STT	Tên dự án
A	CÁC DỰ ÁN DO TRUNG ƯƠNG, TỈNH, HUYỆN LÀM CHỦ ĐẦU TƯ
1	Tuyến đường hành lang ven biển phía Nam
2	Đường Hồ Chí Minh
3	Hệ thống đường huyện và giao thông nông thôn
4	Công Cái Lớn, Cái Bé
5	Hệ thống thủy lợi kinh cấp 2.
6	Cảng cá Tắc Cậu Giai đoạn II
7	Khu neo đậu tránh bão cửa sông Cái Lớn, Cái Bé
8	Trạm y tế tuyến xã, Trung tâm y tế huyện
9	Chương trình xây dựng nông thôn mới.
10	Chương trình kiên cố hóa trường lớp
11	Khu xử lý rác thải và chất thải
12	Xây dựng thiết chế văn hóa - thể thao huyện, xã
13	Trạm cấp nước đô thị, cấp nước cụm xã
14	Đầu tư hệ thống điện trung, hạ thế
B	CÁC DỰ ÁN KÊU GỌI CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ ĐẦU TƯ
1	Đầu tư cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Thạnh Lộc
2	Các dự án đầu tư vào khu công nghiệp Thạnh Lộc, Cảng cá Tắc Cậu
3	Dự án xây dựng nhà máy gạch không nung
4	Trung tâm thương mại, siêu thị và chợ xã
5	Khu nhà ở xã hội
6	Khu đô thị mới Tắc Cậu
7	Khu nhà ở công nhân khu vực Cảng cá Tắc Cậu
8	Dự án chế biến thủy sản
9	Dự án nhà máy xử lý nước thải tập trung 7.000m ³ /ngày, đêm - KCN Thạnh Lộc